TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS - ST
Ngày: 17 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chỉnh - Giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Xuân Trường.

Ông Phạm Duy Chinh - Bí thư huyện Đoàn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:* Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST - HS ngày 22 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thế L** - sinh ngày 17/11/2001, tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 15, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T; bị cáo chưa có vợ; tiền án: tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2018, đến ngày 11/10/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 15, xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng - Là bố đẻ của bị cáo Nguyễn Văn L; "có mặt".

-*Người bào chữa của bị cáo:* Ông Nguyễn Hoài T - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

2. **Hoàng Văn Q**- sinh ngày 10/11/2001, tại thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Vũ Thị T; tiền án: tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2018, đến ngày 11/10/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Giao T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng - Là bố đẻ của bị cáo Hoàng Văn Q; "có mặt".

- *Người bào chữa của bị cáo:* Bà Đặng Thị Anh T - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

3. **Vũ Xuân H** - sinh ngày 25/10/2001, tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 5, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Lưu Thị S; tiền án: tiền sự: Không. Ngày 26/9/2018; bị cáo bị áp dụng biên pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Bà Lưu Thị S, sinh năm 1972, nơi cư trú: Xóm 5, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng - Là mẹ đẻ của bị cáo Vũ Xuân H; "có mặt".

- *Người bào chữa của bị cáo:* Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

4. **Chu Văn C** - sinh ngày 12/12/2000, tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; tiền án: tiền sự: Không. Ngày 11/01/2019; bị cáo bị áp dụng biên pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; "có mặt".

- *Người bào chữa của bị cáo:* Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

5. **Nguyễn Duy** - sinh ngày 09/7/2001, tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết T và bà Phạm Thị H; tiền án: tiền sự: Không. Ngày 15/01/2019; bị cáo bị áp dụng biên pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1981, nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng - Là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Duy C; "có mặt".

- *Người bào chữa của bị cáo:* Bà Trần Thị T - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Bị hại*: Anh Trịnh Tuấn S, sinh ngày 04/10/2001, nơi cư trú; Xóm Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại*: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm Đ, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Người làm chứng.*

1. Anh Phạm Trọng N, sinh ngày 26/10/2002, nơi cư trú: Xóm 1, Quyết, xã Giao T, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

2. *Người đại diện hợp pháp cho anh N là*: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1976, nơi cư trú: Xóm 1, Quyết T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

3. Anh Phạm Tuấn U, sinh ngày 10/11/2002, nơi cư trú: Xóm 2,, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

4. *Người đại điện hợp pháp cho anh U là*: Ông Phạm Văn H, nơi cư trú: Xóm 2, H, xã G, huyện Giao T, tỉnh Nam Định - Là bố đẻ; "vắng mặt"

5. Anh Phạm Anh T, sinh ngày 19/8/2002, nơi cư trú: Xóm 7, Quyết T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

6. *Người đại diện hợp pháp cho anh T là:* Ông Phạm Văn Q, nơi cư trú: Xóm 7, Quyết T, xã G, huyện Giao T, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

7. Chị Nguyễn Thanh , sinh ngày 08/8/2002, nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

8. *Người đại diện hợp pháp cho chị L là:* Bà Đặng Thị L, nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn Ngô Đ, huyện G, tỉnh Nam Định - Là mẹ đẻ; "có mặt"

9. Anh Ngô Văn T sinh ngày 15/11/2002, nơi cư trú: Xóm 13, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

10. *Người dại diện hợp pháp cho anh T là:* Ông Ngô Văn , nơi cư trú: Xóm 13, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

11. Anh Phạm Thế , sinh ngày 01/7/2000, nơi cư trú: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

12. Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/10/2002, nơi cư trú: Đội 2, Tiến T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

13. *Người đại diện hợp pháp cho anh T là*: Ông Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Đội 2, Tiến T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định - Là bố đẻ; "có mặt".

14. Anh Lê Phi T, sinh ngày 07/2/2002, nơi cư trú: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

15. *Người đại diện hợp pháp cho anh T là*: Ông Lê Văn T, nơi cư trú: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định - Là bố đẻ; "vắng mặt".

16. Anh Nguyễn Công D, sinh ngày 10/6/2002, nơi cư trú: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

17. *Người đại diện hợp pháp cho anh D là*: Ông Nguyễn Kim Đ, nơi cư trú: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định - Là bố đẻ "vắng mặt".

18. Chị Vũ Thị Hương G, sinh ngày 17/5/2002, nơi cư trú: Xóm 1, xã , huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

19. *Người đại diện hợp pháp cho chị G là:* Ông Vũ Khắc S, nơi cư trú: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định - Là bố đẻ "vắng mặt".

20. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995, nơi cư trú: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

21. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1949, nơi cư trú: Xóm 16, xã X, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/6/2018, Hoàng Văn Qu, sinh ngày 10/11/2001, trú tại: ở dân phố L, thị trấn Q, huyện Giao , tỉnh Nam Định cùng với Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/8/2002, trú tại tổ 1, thị trấn Ng, huyện Giao T đến xã X, huyện X gặp Ngô Văn T, sinh ngày 15/11/2002 ở xóm 13, xã X, huyện x để giải quyết mâu thuẫn giữa L và T. Tại đây, sau khi nói chuyện, Q và T xảy ra chửi nhau và đánh nhau nhưng không ai bị thương tích gì. Về đến nhà, Q thấy trên mạng Facebook có đăng đoạn video quay cảnh mình bị Tiệp đánh nên bực tức, bảo L hẹn gặp T. Ti hẹn Q sáng ngày 04/6/2018 gặp nhau tại xã X.

Tối ngày 03/6/2018, Q đến nhà Vũ Xuân H, sinh ngày 25/11/2001 ở xóm 5, xã G, huyện Giao T thì gặp H và Nguyễn Thế L, sinh ngày 17/11/2001, trú cùng xã với Hiệu cũng đang ở đó. Q bảo H và Lực: "Hôm nay lên X bị đánh, mai có gì đi giúp tao cái, ai có đồ thì mang đi" - ý nói mang theo hung khí để phòng thủ, H và L đều đồng ý. Sau đó, Q nhắn tin cho Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/10/2002, trú tại: đội 2, xóm Tiến T, xã Giao C, huyện Giao T rủ đi cùng, đồng thời Q bảo T mang theo dao để phòng thủ và rủ thêm người đi cùng. T rủ thêm Phạm Tuấn , sinh ngày 10/11/2002, Phạm Trọng Ng, sinh ngày 26/10/2002 và Phạm Anh T, sinh ngày 19/8/2002 đều trú tại: xã G, huyện G đi giúp Q U, Ngh, Thùy đồng ý. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 04/6/2018, Q và H, L, T, U, Ng tập trung tại xã G, huyện G đi bằng 03 xe mô tô đến dốc Ngô thị Trấn Ngô Đhuyện G thì dừng lại để Q đi đón L và chờ T đến. Khi đi, T mang theo 01 ba lô trong có 02 con dao dài cán 30cm, cán nhựa dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 20cm, rộng 05cm, mũi nhọn và 01 đoạn xích sắt dài 1,5m. Lực mang theo 01 con dao bấm dài 19cm, cán bằng kim loại ốp nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 09cm, rộng 1,6cm, mũi sắc nhọn. H mang theo 01 đoạn xích sắt dài khoảng 1,5m. Sau khi Q chở L đến, còn T đi xe mô tô đến, nói với cả nhóm: "Mọi người lên X chỗ hôm qua tao bị đánh để tao nói chuyện và đánh trước, nếu nó đánh lại thì đánh" và mở ba lô của T ra xem, sau đó kẹp vào giữa xe của mình. Trên đường đi, Qu chở L, L chở H, U chở Ng, T chở T. Đi đến xã X, huyện Xuân T, L bảo Q đứng ở đường chờ, còn L đi xe đón bạn là Vũ Thị Hương G, sinh ngày 10/6/2002 ở xóm 1, xã X đi cùng.

Cùng thời gian đó, tại xã X, Ngô Văn T nói với bạn là Phạm Thế D, sinh ngày 01/7/2000, trú tại: Xóm 16, xã X, huyện Xuân T nhờ D đi cùng. Dgọi điện nhờ Chu Văn C, sinh ngày 12/12/2000, trú tại: xóm 2, xã X, huyện dẫn Tiệp ra chỗ hẹn với Q trước, D đến sau. C rủ thêm Nguyễn Duy C, sinh ngày 09/7/2000 ở cùng xóm, C rủ Trịnh Tuấn , sinh ngày 04/10/2001, trú tại: xóm Tây, xã X, huyện X đi cùng. C và C đi xe mô tô đến xã Xu để đón T, còn S đi một mình đến sau.

Khoảng 09 gi 45 phút thì nhóm thanh niên huyện G (bao gồm: Q, L, H, T, U, N, T và L) đến khu vực đường liên xã trước cổng trường Tiểu học B xã X thuộc xóm 16, xã X, xung quanh là khu dân cư sinh sống. Do chưa thấy T đến Q bảo L đi tìm T, trên đường đi, L gặp T đi cùng C, C nên bảo T đến cổng trường Tiểu học B xã X gặp Q. Khi T cùng và Cg đến chỗ Q một lúc thì Duyệt và S cũng đến nơi (nhóm thanh niên huyện Xuân Trường lúc này gồm: Tiệp, D, C, C, S). Khi gặp nhau, hai nhóm thống nhất để Q và T tự giải quyết mâu thuẫn với nhau. Trong lúc nói chuyện giữa Q và T lại tiếp tục cãi cọ nhau, L vào thách thức T Đúng lúc đó thì trời mưa to nên hai nhóm vào nhà dân gần đó trú mưa. Khoảng 10 phút thì trời tạnh mưa, Q và T lại ra khu vực ghế đá trước cổng trường học thách đố đánh nhau. Trong thời gian này, những người còn lại của hai nhóm đều đứng cách đó 3-5 mét chứng kiến. Phát hiện thấy nhóm thanh niên G có mang theo dao để trong ba lô nên C và rủ nhau đi đến nhà anh Vũ Đức làm nghề cho thuê buồm, bạt ở xóm 2, xã Xhỏi mượn tuýp sắt để phòng thủ. Do anh đi vắng, chỉ có cháu nhỏ con anh T ở nhà, C và C vào hỏi mượn được 06 đoạn tuýp sắt bằng kim loại, mỗi đoạn dài 50 cm (có các loại phi 21, 32, 42) cho lên xe chở đến khu vực trường tiểu học B, xã .

Cùng lúc đó tại khu vực cổng trường tiểu học B, xã X, Q và T thống nhất đánh nhau tay đôi, hai nhóm không ai được can thiệp. Trước khi đánh Quang có nói với U "Tao vào đánh, nếu chúng nó vào thì mày vào". Khi Q và đang đánh nhau thì U lao vào đấm T. Cho rằng nhóm Q không thực hiện theo thỏa thuận nên D túm cổ U đẩy ra, một số thanh niên nhóm Q thấy vậy xông đến quanh D, T. Ngay sau đó, C và C mang bó tuýp sắt đến nơi rồi bỏ xuống đường. Thấy tình thế như trên, C và C mỗi người nhặt một đoạn tuýp cầm ở tay giơ lên dọa đánh nhóm thanh niên Gi đang vây quang D. Thùy liền chạy đến chỗ đống tuýp mà C và C vừa bỏ xuống định nhặt một đoạn tuýp để đánh nhóm X thì bị Công, vụt, quát bắt bỏ tuýp xuống. Thấy T bị vụt, H hô lớn " Anh em đánh" rồi rút xích sắt trong túi quần ra vung lên, T cũng mở ba lô ra lấy 02 con dao, Lực cầm dao bấm, Q nhặt được tuýp sắt rồi cùng xông đến đánh nhau với nhóm thanh niên X. Th cầm dao chém sượt vào vùng lưng D rách da, chảy máu. Bị chém, D và S bỏ chạy và nhặt được mỗi người một đoạn tuýp cầm ở tay phòng vệ, C và Cg cầm tuýp sắt đánh nhau với nhóm G. Sau khi đuổi đánh nhau khoảng 3-5 phút, do nhóm G đông người nên chiếm ưu thế, nhóm Xu bỏ chạy. Sang chạy sang bên phía bên kia đường đối diện cổng trường Tiểu học B, Lực thấy S không để ý mình nên tiến đến gần S, tay trái giữ lấy vai phải S, tay phải cầm

dao bấm đã bật lưỡi đâm vào bụng bên phải sang rồi lùi lại. S bị đâm chảy máu liền dùng tay trái ôm lấy vết thương, thấy tay phải Sang vẫn còn cầm tuýp sắt, đâm tiếp một nhát nữa vào cẳng tay trái, mũi dao xuyên qua cẳng tay trái đâm nhẹ vào bụng trái S. Sau khi bị đâm, S buông tuýp sắt ra, ôm bụng khụy xuống. Ngay lúc đó, Thọ lao đến dùng sống dao đập vào vai s một cái nhưng không gây thương tích gì. Thấy S bị thương chảy máu nhiều, nhóm G liền cầm theo vũ khí gồm 02 con dao mèo, 01 con dao bấm, 02 đoạn xích sắt và 03 đoạn tuýp sắt lấy của nhóm Xuân T lên xe bỏ chạy. Còn nhóm đưa sang đi cấp cứu. Về đến xã G, U cầm 02 con dao mèo, 03 đoạn tuýp sắt, 01 xích sắt cất giấu, Lực vẫn cầm dao bấm, H cầm xích sắt của mình về cất giấu.

Hậu quả Trịnh Tuấn S bị 01 vết thương thấu bụng thủng đại tràng, 01 vết đâm xuyên 1/3 giữa cẳng tay trái và một vết thương bụng phải. S đi điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định từ ngày 04/6/2018 đến ngày 14/6/2018, sau đó phải điều trị tiếp từ ngày 14/8/2018 đến ngày 23/8/2018 được xuất viện.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích sô 134/18/TgT ngày 12/6/2018 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Nam Định xác định Trịnh Tuấn S bị thương tích như sau: Tại mặt trước trong 1/3 giữa cẳng tay trái và vết rách da bờ mép vết gọn, kích thược 5cm x 0,2cm; tại mặt sau ngoài giữa 1/3 cẳng tay trái có vết rách da bờ mép gọn, kích thước 4cm x 0,2cm; tại bờ sườn trái đường lách giữa có vết rách da bờ mép vết gọn, kích thước 0,6cm x 0,2 cm; tại bụng phải ngang rốn cách đường giữa 3cm có vết rách da, bờ mép vết gọn, kích thước 1,5cm x 0,2 cm; tại giữa bụng có vết mổ đường trắng giữa trên và dưới rốn dài 15cm; tại bụng phải có vết mổ đưa hai đầu đại tràng ra ngoài làm hậu môn nhân tạo. Kết luận:

- 6 vết thương phần mềm và mổ kích thước trung bình và nhỏ 06%.

- Vết thương thấu bụng, thủng đại tràng phải làm hậu môn nhân tạo: 41%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện là 45% (áp dụng phương pháp cộng lùi)

Cơ chế hình thành vết thương: Vật cứng, nhọn có cạnh sắc tác động gây thương tích.

Ngày 20/9/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định bổ sung với thương tích Trịnh Tuấn S. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 218/18/TgT ngày 24/9/2018 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Nam Định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Trịnh Tuân S là 55%.

Kết quả xác minh tại cơ sở xóm 16 và báo cáo của Công an xã X xác định: 02 nhóm thanh niên dùng hung khí đuổi đánh nhau làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Nhiều người dân phải đóng cửa không dám ra can thiệp.

Ngày 19/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X đã khởi tố vụ án, khởi tố đối với Nguyễn Thế L, Hoàng Văn Q và ngày 26/9/2018 khởi tố đối với Vũ Xuân, Nguyễn Văn Tvề tội " Cố ý gây thương tích" theo Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Ngày 11/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố bổ sung vụ án và đối với Chu Văn C, Nguyễn Duy C về tội "gây rối trật tự công cộng" theo Điều 318 của Bộ luật Hình sự, sau đó thay đổi quyết định khởi tố đối với Hoàng Văn Qu, Vũ Xuân H từ tội "Cố ý gây thương tích" sang tội "Gây rối trật tự công cộng".

Trong quá trình điều tra, gia đình L, Q, T và cùng với gia Nguyễn Thanh L, Phạm Tuấn U thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ khắc phục hậu quả cho Trịnh Tuấn Sa tổng số tiền là 81.000.000đ. Trịnh Tuấn S và gia đình đã nhận và không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho những đối tượng nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo L, Q, H, C và người bào chữa của các bị cáo không có kiếu nại gì về các Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và kết luận giám định pháp y.

Cáo trạng số 15/CT - VKS ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Nguyễn Thế Lực về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Đối với Hoàng Văn Q, Vũ Xuân H, Chu Văn C, Nguyễn Duy g bị truy tố về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế Lực. Căn cứ vào: Điểm b Khoản 2 Điều 318, các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn , Vũ Xuân H Chu Văn C, Nguyễn Duy C. Đối với bị cáo Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế L phạm tội "Cố ý gây thương tích"; các bị cáo Hoàng Văn Q, Vũ Xuân H, Chu Văn C, Nguyễn Duy C phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L từ 36 - 42 tháng tù và được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn Q từ 24 - 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 - 54 tháng.

Xử phạt các bị cáo Vũ Xuân H, Chu Văn C, Nguyễn Duy C mỗi bị cáo

từ 20 - 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 - 48 tháng.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật

Các bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên, tỏ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Người bào chữa cho bị cáo L trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thế L mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân T truy tố ra phiên tòa ngày hôm nay theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L cũng cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với những tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, non nớt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xét căn cứ vào Điều 54, Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội cải tạo và sớm hòa nhập cộng đồng xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Q trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo Quang mà Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Q cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với những tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, gia đình bị hại có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, non nớt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo.

Người bào chữa cho bị cáo H; người bào chữa cho bị cáo C; người bào chữa cho bị cáo Cđều trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo H bị cáo C, bị cáo C mà Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hiệp, bị cáo C và bị cáo C cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với những tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo C đề nghị HĐXX cho bị cáo C được hưởng thêm tình tiết theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là hoàn cảnh gia đình khó khăn. Khi các bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức hiểu biết pháp luật còn hạn chế, non nớt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xét căn cứ vào Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo có cơ hội cải tạo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo L, bị cáo Q, bị cáo H và bị cáo C không có tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên, nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội cải tạo sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa của các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp lời khai của bị hại; người làm chứng, kết quả giám định cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định khách quan là: Do có mâu thuẫn từ trước nên Hoàng Văn Qu và Ngô Văn T hẹn gặp nhau sáng ngày 04/6/2018 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn. Trước khi đi Q có nhờ Nguyễn Thế L, Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T, Phạm Anh T và một số đối tượng nữa mang theo hung khí đi cùng để phòng đánh nhau. Còn Tiệp nhờ Phạm Thế Dt đi cùng, D chưa đi được ngay nên nhờ Chu Văn C, Nguyễn Duy C, Trịnh Tuấn S đi cùng. Khi hai nhóm trên gặp nhau tại khu vực đường giao thông cạnh cổng Trường tiểu học B và khu vực dân cư xóm 16, xã X. Trong thời gian từ khoảng 09 giờ 45 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 04/6/2018 tại đây, Q và T thống nhất đánh nhau tay đôi, khi đang đánh thì Phạm Tuấn U lao vào đánh T nên D vào túm cổ U đẩy ra. Cùng lúc đó C và C đi mượn được 06 đoạn tuýt sắt mang đến, thấy nhóm G đang quây lấy D nên mỗi người cầm một đoạn tuýt dọa đánh nhóm G, Th chạy đến

định nhặt một đoạn túy thì bị C, C vụt và bắt bỏ xuống. Ngày lập tức, H hô "Anh em đánh" rồi rút xích sắt ra cùng với T và cầm 02 con dao mèo, L cầm dao bấm, Q nhặt được tuýt sắt đánh nhau với nhóm X. D bị T chém sượt nên Dt và Sbỏ chạy, C và C cầm tuýt sắt đánh nhau với nhóm Giao, nhưng do nhóm G áp đảo nên cũng bỏ chạy. S chạy đến ven đường đối diện cổng Trường tiểu học thì bị L dùng dao bấm đâm hai nhát vào bụng phải và cẳng tay trái S làm dao xuyên vào đến bụng trái. Khi Th quay lại thấy Sang bị thương cháy máu và đã khụy xuống liền quay ngược dao đập phần sống dao vào vai Sang một cái. Hậu quả: S bị thương tích phần bụng, cẳng tay trái với tỷ lệ thương tật là 55%. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Thếc đã đủ yếu tố cấu thành và phạm vào tội " Cố ý gây thường tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn Q, Vũ Xuân H Chu Văn C, Nguyễn Duy C đã đủ yếu tố cấu thành và phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Lực là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý bất an cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật .

Đối với hành vi gây rối mất trật tự công cộng của các bị cáo Q, H, C, Cư là hình vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tình hình trật tự trị an tại nơi công cộng, khu tập trung đông dân cư, trường học làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự. Trong đó bị cáo Q là người rủ rê bị cáo , bị cáo đi đánh nhau. Khi nhóm của G và nhóm của X đánh nhau. Bị cáo L đã dùng dao bấm đâm anh S hai nhát vào bụng dẫn đến hậu quả anh S bị thương tích 55%, việc cầm dao đâm Sang là do bị cáo đã chuẩn dao bị từ trước, bị cáo Q, bị cáo H không biết nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Đối với hành vi của bị cáo Quang, bị cáo Hiệu ban đầu Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích", sau đó chuyển sang khởi tố về tội "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp. Nhưng Quang được xác định là người giữ vai trò đầu vụ nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H, bị cáo H tham gia với vai trò giúp sức nên mức hình phạt thấp hơn Q. Đối với bị cáo C và bị cáo C là những người tham gia của nhóm Xu. Khi bị nhóm Gi tấn công đánh nhóm X thì Công và C là người trực tiếp đi mượn tuýt sắt để mang đến đánh nhau và cùng tham gia, do vậy mức hình phạt của hai bị cáo này là như nhau cũng như mức hình phạt của bị cáo Hi là phù hợp.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều bị truy tố về tình tiết định khung hình phạt nên các bị cáo không phải

chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Q, H, Công và C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo Q, gia đình bị cáo L đã bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Sang; gia đình bị hai có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lực và bị cáo Q nên các bị cáo Q, H, C và C được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo Qu được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Lực ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên khi xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt liền kề. Bởi lẽ bị cáo L khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, bị cáo bị người khác rủ rê nên bị cáo được hưởng chính sách hình sự theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự với mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Thời gian bị cáo đã bị tạm giam sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Đối với các bị cáo Q, H, C, C, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chấp hành tốt pháp luật của nhà nước trước khi phạm tội. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách phù hợp. Mặt khác khi các bị cáo phạm tội đều người dưới 18 tuổi nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đối với bị cáo C khi xét xử đã là người thành niên nhưng bị cáo C vẫn được áp dụng các tình thiết giảm nhẹ như các bị cáo khác được hưởng chính sách hình sự theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự với mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Đối với Nguyễn Văn T: Xét, Nguyễn Văn T khi phạm tội dưới 16 tuổi (15 tuổi 7 tháng 19 ngày) tham gia gây rối trật tự công cộng dẫn đến thương tích cho Trịnh Tuấn S. Qúa trình điều tra đã tự nguyện khắc phụ hậu quả và được gia đình Trịnh Tuấn Sang có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 30/01/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Văn T theo điểm x khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với pháp luật.

Đối với Phạm Tuấn U, Phạm Anh T, Phạm Trọng Ng, Nguyễn Thanh L, Ngô Văn T, Nguyễn Văn T đều có hành vi gây rối trật tự công cộng, tuy nhiên đến ngày 04/6/2018, các đối tượng này đều chưa đủ 16 tuổi nên Công an huyện X đã xử phạt hành chính là phù hợp pháp luật. Đối với Phạm Thế Du và Trịnh Tuấn , khi T nhờ D đi cùng và C rủ S đến chơi, cả hai đều không biết có đánh nhau, khi T bị đánh D chỉ vào can rồi bị chém nên bỏ chạy, còn S thấy bị đuổi nên cũng bỏ chạy và bị đâm. Xét hành vi của Dut, S không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra nhắc nhở, rút kinh nghiệm là phù hợp.

Trong vụ án này Phạm Thế Dt còn bị thương tích do Nguyễn Văn T gây nên, tuy nhiên do thương tích nhẹ, Phạm Thế D và gia đình từ chối giám định và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với anh Vũ Đức Th: Khi C và C đến mượn tuýt sắt anh T không có ở nhà nên không biết, hiện anh T không có yêu cầu xin lại số tuýt sắt nên Cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Q, gia đình bị cáo và gia đình một số đối tượng khác đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Nay bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu đòi bồi thường gì thêm về dân sự nên HĐXX không xem xét, điều chỉnh là phù hợp.

[8] Về vật chứng của vụ án:

06 tuýt sắt, 02 con dao bầu, 01 con dao bấm; 01đoạn dây xích sắt mà các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện để đánh nhau và 01 ba lô không còn giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với xe mô tô BKS: 18G1 - 04151 của Nguyễn Thế , 01 xe mô tô BKS: 18Y2 - 8528 của Hoàng Văn Q; 01 xe mô tô BKS: 19Z9 - 8911 của Phạm Anh ; 01 xe mô tô BKS: 18S5 - 7473 của Nguyễn Văn mà các đối tượng đi. Qúa trình điều tra xác định những chiếc xe mô tô nêu trên đều thuộc sở hữu hợp pháp của gia đình bị cáo l, bố bị cáo Q, của T và gia đình Phạm Anh T. Xét thấy gia đình bị cáo L, bị cáo Q và của các đối tượng trên không biết con mình mượn xe đi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan điều tra đã trả lại những chiếc xe trên cho đại diện gia đình là phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thế L, Hoàng Văn Q, Vũ Xuân H, Chu Văn C và Nguyễn Duy Cg bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế L.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318, các điểm i, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91 và khoản 1Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Q.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 318, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 91 và khoản 1Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Xuân H, Chu Văn C và Nguyễn Duy C.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Các bị cáo Hoàng Văn Quang, Vũ Xuân H, Chu Văn C, Nguyễn Duy Cương phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L 36 tháng tù, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam là 2 tháng 18 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 33 tháng 12 ngày tù. Thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án: Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 26/7/2018 đến ngày 11/10/2018.

Giao bị cáo Hoàng Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q huyện G, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Hoàng Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Giao T, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Vũ Xuân H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt các bị cáo Chu Văn C, Nguyễn Duy C mỗi bị cáo 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Chu Văn C và bị cáo Nguyễn Duy C cho Ủy ban nhân dân xã , huyện X, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Chu Văn C và bị cáo Nguyễn Duy thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ

02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 06 đoạn tuýt sắt, 02 con dao bầu, 01 con dao bấm; 01đoạn dây xích sắt; 01 ba lô vải.

(Chi tiết vật chứng, tài sản thu giữ theo: Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 34/THA ngày 01/4/2019 giữa Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

3. Án phí: Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thế L, Hoàng Văn Qu, Vũ Xuân H, Chu Văn C, Nguyễn Duy C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thế L, Hoàng Văn Q, Vũ Xuân H Chu Văn C và Nguyễn Duy C; người đại diện hợp pháp của bị cáo L là ông Nguyễn Văn T; người đại diện hợp pháp của bị cáo Q là ông Hoàng Văn Th, người đai diện hợp pháp của bị cáo H là bà Lưu Thị S, người đại diện hợp pháp cho bị cáo C là bà Phạm Thị Ho người bào chữa cho bị cáo L là ông Nguyễn Hoài Th, người bào chữa cho bị cáo Q là bà Đặng Thị Anh T, người bào chữa cho bị cáo H là bà Trần Thị N, người bào chữa cho bị cáo C là bà Trần Thị N, người bào chữa cho bị cáo C là bà Trần Thị T; người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trịnh Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Trịnh Tuấn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND TT Q;
-UBND xã G;
-UBND xã X
- Các bị cáo;
-Người ĐDHP;
-Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Long